

Danh sách điểm của các Chi nhánh khu vực Cần Thơ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+$ $+(13)+(16)$	
I	NHNN Chi nhánh tỉnh Cà Mau (05 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)																
1	6010	Lâm Thanh Quang	27/03/1991		NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi		50,75	55	96	80	84	0	256,75	Trúng tuyển
2	6002	Tô Thị Duyên		3/5/1994	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cửu Long	Khá		55,5	60	68	84	84	0	243,5	Trúng tuyển
3	6014	Phạm Kiều Trang		8/5/1990	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học tài chính-Marketing	Khá		50	60	68	76	79,5	0	238	Trúng tuyển
4	6009	Hồ Thị Cẩm Nhung		16/01/1989	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cửu Long	Khá		53	42	72	60	54	0	209	
5	6011	Tô Thị Cẩm Tú		5/3/1988	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cửu Long	Khá		19	62	52	52	72	0	195	
6	6001	Nguyễn Bình An	17/01/1993		NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Bình Dương	Khá		32,75	42	56	68	71	0	172,75	
7	6015	Trần Như Ý		6/6/1994	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Bình Dương	Khá		22,5	37	72	72	84	0	168,5	
8	6008	Nguyễn Lê Hồng Nhiên		20/9/1992	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Hùng Vương	Khá		35,25	18	64	64	83,5	0	135,25	
9	6003	Trần Thị Bích Kiều		18/11/1986	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá									Không dự thi
10	6004	Lê Tiến Lên	26/02/1990		NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Hùng Vương TPHCM	Khá									Không dự thi
11	6005	Nguyễn Tiểu Linh		7/7/1992	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học kinh tế công nghiệp Long An	Giỏi									Không dự thi
12	6006	Tại Chí Linh	17/12/1993		NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá									Không dự thi
13	6007	Trần Hồng Mai		27/10/1995	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+ (13)+(16)$	
14	6012	Nguyễn Trí Tuệ	14/8/1990		NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi									Không dự thi
15	6013	Phạm Hồng Thắm		17/5/1989	NHNN Cà Mau	CV Nghiệp vụ	Đại học Cửu Long	Khá									Không dự thi
II	NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang (03 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu vị trí CV Kế toán-Kiểm toán, 01 chỉ tiêu vị trí kỹ sư CNTT)																
1	6057	Phan Huỳnh Vững	6/14/1990		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Giỏi		88	57	92	88	96	0	294	Trúng tuyển
2	6054	Nguyễn Ngọc Trang		5/27/1995	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Xuất sắc		76	68	76	92	92	0	288	Trúng tuyển
3	6047	Lê Cao Sơn	1/9/1992		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		67	62	80	88	93,5	0	271	Trúng tuyển
4	6037	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		2/6/1993	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Xuất sắc		53,5	70	68	80	86	0	261,5	
5	6053	Nguyễn Thị Anh Thư		4/13/1988	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi		74,5	59	64	64	85,5	0	256,5	
6	6045	Trương Nhật Hoàng Yên		8/17/1990	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Giỏi		82	51	68	76	86	0	252	
7	6059	Trần Thanh Xuân		2/14/1995	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		43	72	64	72	69,5	0	251	
8	6035	Lê Thị Thùy Mỹ		6/18/1995	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Giỏi		42	61	80	76	74	0	244	
9	6016	Nguyễn Thị Ngọc Chi		8/3/1993	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Giỏi		45,5	57	80	72	83,5	0	239,5	
10	6029	Lê Thụy Lam		5/4/1994	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		50	52	84	76	76,5	0	238	
11	6051	Nguyễn Thị Xuân Thắm		06.8.1994	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		52	51	76	68	86	0	230	
12	6043	Nguyễn Minh Phúc	12/13/1986		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		50	58	60	68	84	0	226	



th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	= (12)*2 + (11) + (13) + (16)	
13	6044	Trần Thị Hồng Phương		6/27/1993	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Giỏi		72	45	64	60	83,5	0	226	
14	6018	Nguyễn Tuấn Duy	2/27/1992		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Nguyễn Tất Thành	Khá	x	43,5	52	72	76	82	0	219,5	
15	6032	Lê Thị Cẩm Loan		2/5/1992	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		52	38	76	68	74	0	204	
16	6042	Nguyễn Tấn Phát	2/13/1993		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi		52	43	64	96	88	0	202	
17	6027	Bùi Hoàng Khánh Diễm		8/28/1991	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Tây Đô	Khá		57,75	38	68	60	78	0	201,75	
18	6056	Nguyễn Ngọc Trinh		4/28/1991	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	Khá		55	37	72	72	81,5	0	201	
19	6058	Bùi Thế Vy	1/19/1989		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		57	41	52	80	78,5	10	201	
20	6040	Lê Thị Minh Nguyệt		9/5/1995	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		54,5	42	60	80	84	0	198,5	
21	6024	Trần Trung Huy	2/13/1995		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		34	33	84	76	79	0	184	
22	6060	Nguyễn Thị Ngọc Yến		10/18/1994	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Giỏi		36	40	68	72	68	0	184	
23	6055	Lê Hoàng Triệu		5/28/1995	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Giỏi		62	34	48	84	68,5	0	178	
24	6021	Cao Ngân Giang	6/25/1989		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi		37,5	34	72	60	89,5	0	177,5	
25	6031	Trương Thị Thu Liên		5/6/1988	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		37,5	38	64	52	87	0	177,5	
26	6034	Nguyễn Thị Diễm My		1/7/1993	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		40,75	40	52	60	62	0	172,75	
27	6023	Nguyễn Thái Hiền		2/7/1993	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		56,5	28	60	56	72	0	172,5	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+ (13)+(16)$	
28	6036	Lê Thị Tuyết Nga		1/1/1989	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá		50	27	64	64	93,5	0	168	
29	6020	Nguyễn Hoàng	Giang	2/25/1995		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá	24,5	37	64	76	72	0	162,5	
30	6022	Ngô Minh	Giang	2/3/1989		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá	31,5	37	56	72	69	0	161,5	
31	6033	Trần Đoàn Ngọc	Lý	8/31/1995		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá	11	38	52	60	90	0	139	
32	6025	Bùi Thanh	Huy	11/21/1992		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá	32,5	20	48	80	93	0	120,5	
33	6017	Lê Thị Ngọc	Chúc	1/1/1993		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Đồng Tháp	Khá								Không dự thi
34	6019	Phạm Văn	Đúng	4/18/1994		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Xuất sắc								Không dự thi
35	6026	Trương Thị Xuân	Kiều	1/17/1995		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Sài Gòn	Khá								Không dự thi
36	6028	Phạm Đăng	Khoa	8/6/1990		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá								Không dự thi
37	6030	Đoàn Cao	Lễ	7/31/1994		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá								Không dự thi
38	6038	Phan Thanh Kim	Ngọc	10/13/1990		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá								Không dự thi
39	6039	Trần	Nguyễn	3/14/1990		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP HCM	Khá								Không dự thi
40	6041	Phan Yến	Nhi	1/26/1992		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cửu Long	Khá								Không dự thi
41	6046	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	2/13/1995		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Xuất sắc								Không dự thi
42	6048	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	6/30/1988		NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá								Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+ (13)+(16)$	
43	6049	Mai Ngọc Phương Thanh		1/15/1989	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá									Không dự thi
44	6050	Đặng Thị Phương Thảo		5/27/1995	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi									Không dự thi
45	6052	Trần Thị Thanh Thúy		7/28/1987	NHNN An Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Khá									Không dự thi
1	6063	Nguyễn Đặng Đặng Ngân		12/22/1994	NHNN An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Cần Thơ	Giỏi		50	80	88	84	90	0	298	Trúng tuyển
2	6061	Văn Mỹ Hạnh		9/2/1982	NHNN An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học An Giang	Khá		56	51	64	76	81	0	222	
3	6068	Hồ Thị Anh Thư		11/1/1984	NHNN An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học An Giang	Giỏi		43	34,5	52	0	75	0	164	
4	6062	Lê Nguyễn Minh Khiết	7/5/1989		NHNN An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Dân Lập Vĩnh Long	Khá	x	43	21	72	84	83	0	157	
5	6067	Trương Thanh Tùng	4/4/1988		NHNN An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Kinh tế TPHCM	Khá		28	18	80	76	88	0	144	
6	6066	Nguyễn Thị Thanh Tâm		7/4/1995	NHNN An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Cần Thơ	Khá		33	13	68	72	80	0	127	
7	6064	Trần Thị Yến Nhi		5/21/1995	NHNN An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học An Giang	Khá									Không dự thi
8	6065	Vương Bích Phượng		1/30/1995	NHNN An Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Cần Thơ	Khá									Không dự thi
1	6070	Nguyễn Hoài Giang	8/29/1986		NHNN An Giang	Kỹ sư CNTT	Đại học An Giang	Trung bình Khá		65	51	56	Miễn	90	20	243	Trúng tuyển
2	6071	Nguyễn Thái Huy	8/2/1994		NHNN An Giang	Kỹ sư CNTT	Đại học Khoa học Tự nhiên	Khá		30	13	56	Miễn	78	0	112	
3	6069	Ngô Tử Đạt	3/1/1989		NHNN An Giang	Kỹ sư CNTT	Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng	Trung bình Khá									Không dự thi
4	6072	Mai Đăng Khoa	9/24/1986		NHNN An Giang	Kỹ sư CNTT	Đại học An Giang	Trung bình Khá									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	= (12)*2+(11) +(13)+(16)	
5	6073	Nguyễn Văn Nhã	5/26/1991		NHNN An Giang	Kỹ sư CNTT	Đại học An Giang	Khá									Không dự thi
6	6074	Nguyễn Văn Vững	6/5/1905		NHNN An Giang	Kỹ sư CNTT	Đại học An Giang	Trung bình Khá	x								Không dự thi
III	NHNN Chi nhánh tỉnh Kiên Giang (02 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu vị trí CV Kế toán-Kiểm toán)																
1	6083	Trần Thị Hồng Thắng		2/12/1993	NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Tây Đô	Khá		69	60	72	72	78,5	0	261	Trúng tuyển
2	6075	Trần Thị Hoàng Anh		9/13/1993	NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		50	56	56	80	52,5	0	218	Trúng tuyển
3	6082	Nguyễn Trung Tuấn	2/4/1990		NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Mở TP HCM	Khá	x	55	34	68	72	79	0	191	
4	6080	Huỳnh Thúc Phú Long	2/8/1988		NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		35	31	60	68	68	0	157	
5	6079	Lý Thị Kiều Loan		3/19/1993	NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Tây Đô	Khá		15	40	56	76	75	0	151	
6	6076	Nguyễn Thanh Duy	5/18/1993		NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		25	25	56	76	94	0	131	
7	6077	Nguyễn Duy Đăng	4/30/1992		NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Tây Đô	Khá									Không dự thi
8	6078	Lê Thu Hà		4/2/1993	NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Hùng Vương TP HCM	Khá									Không dự thi
9	6081	Ngô Thị Kim Ngân		5/16/1992	NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Hùng Vương TP HCM	Khá									Không dự thi
10	6084	Trương Thị Huyền Trang		8/10/1990	NHNN Kiên Giang	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Xuất sắc									Không dự thi
1	6088	Châu Thị Như Thủy		2/14/1991	NHNN Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Nha Trang	Khá		69	50	60	84	85	0	229	Trúng tuyển
2	6090	Trần Vũ Ngọc Thương		11/8/1990	NHNN Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Cần Thơ	Giỏi	x	50	27,5	76	68	82	0	181	

HK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+ (13)+(16)$	
3	6086	Trần Ngọc Hạnh		2/9/1984	NHNN Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Cần Thơ	Giỏi		43	39,5	48	76	91	0	170	
4	6089	Nguyễn Minh Thủy		10/28/1985	NHNN Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Ngân hàng TP HCM	Khá		35	18,5	76	56	Miễn	0	148	
5	6087	Vũ Phước Linh		11/16/1992	NHNN Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Kinh tế TP HCM	Khá		31	21	72	68	90	0	145	
6	6091	Phạm Thị Ngọc Trang		3/21/1989	NHNN Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP HCM	Khá		15	10	56	64	52	20	111	
7	6085	Phù Văn Phương	9/13/1985		NHNN Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Cần Thơ	Giỏi	x								Không dự thi
8	6092	Phạm Thị Thu Trang		2/18/1988	NHNN Kiên Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP HCM	Khá									Không dự thi
IV NHNN Chi nhánh tỉnh Bến Tre (04 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	6099	Trần Thị Ngọc Hà		20/8/1995	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP HCM	Giỏi		79	70	88	84	93,5	0	307	Trúng tuyển
2	6094	Lương Thị Kim Cương		05/4/1991	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghiệp TP HCM	Giỏi	x	76	62	68	76	85	0	268	Trúng tuyển
3	6105	Lý Thị Thảo Nguyên		20/4/1987	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP HCM	Khá		65	59	80	72	88	0	263	Trúng tuyển
4	6103	Ngô Thị Kim Ngọc		11/22/1992	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi		66	53	80	84	86,5	0	252	Trúng tuyển
5	6109	Nguyễn Thị Bảo Trân		1/10/1986	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học mở TP HCM	Khá	x	53	44,5	84	76	100	0	226	
6	6098	Châu Thị Thu Giang		19/10/1992	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		36	55	44	64	84	0	190	
7	6095	Nguyễn Kim Danh		13/3/1988	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Dân lập Văn Lang	Khá		60	31	64	68	60,5	0	186	
8	6101	Nguyễn Lê Toàn Cẩm Linh		28/8/1993	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP HCM	Khá		40	46	52	80	84,5	0	184	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$= (12) * 2 + (11) + (13) + (16)$	
9	6113	Bùi Thị Mỹ Yến		11/15/1993	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Công nghiệp TP HCM	Khá		51	26,5	68	68	76	0	172	
10	6108	Phạm Thị Tổ Quyên		25/9/1995	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Đồng Tháp	Khá		30	48	44	68	52	0	170	
11	6104	Võ Thị Nguyên Ngọc		31/7/1991	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Trà Vinh	Khá		30	39	56	56	81	0	164	
12	6106	Phạm Huỳnh Yến Nhi		02/3/1990	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Ngân hàng TP HCM	Khá		21	47	48	60	79,5	0	163	
13	6110	Nguyễn Vũ Hùng	10/23/1993		NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Hùng Vương TP HCM	Khá		29	38,5	48	76	92	0	154	
14	6093	Trần Thị Quỳnh Anh		03/3/1994	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi									Không dự thi
15	6096	Nguyễn Hồ Hoàng Diệp		10/17/1986	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học mở TP HCM	Khá									Không dự thi
16	6097	Nguyễn Mai Đoàn	2/24/1994		NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Cửu Long	Khá									Không dự thi
17	6100	Dương Thị Kim Kim		10/10/1987	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học mở TPHCM	Khá	Tài chính - Ngân								Không dự thi
18	6102	Đặng Hoài Nam	10/9/1994		NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học mở TP HCM	Khá									Không dự thi
19	6107	Nguyễn Thanh Phương	10/02/1971		NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế TP HCM	Khá									Không dự thi
20	6111	Trần Ngọc Minh Vy		2/13/1993	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Khá									Không dự thi
21	6112	Ngô Thị Diễm Xuân		25/3/1993	NHNN Bến Tre	CV Nghiệp vụ	Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM	Khá									Không dự thi
V NHNN Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp (02 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)																	
1	6115	Trần Ngọc Diệp Hà Giang	14/04/1990		NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học An Giang	Giỏi	x	64,5	51	84	92	Miễn	0	250,5	Trúng tuyển

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$= (12) * 2 + (11) + (13) + (16)$	
2	6121	Lê Nguyễn Trúc Thi		19/08/1987	NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá	x	69,5	54	72	76	79	0	249,5	Trúng tuyển
3	6116	Trương Ngọc Khỏe	25/08/1985		NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học Dân Lập Cửu Long	Khá	x	50	46,5	60	68	60	0	203	
4	6117	Nguyễn Thị Diễm Sương		21/04/1995	NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học Tây Đô	Khá		50	27,5	60	52	43	0	165	
5	6122	Nguyễn Thu Vân		04/06/1990	NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		38	17,5	68	72	82	0	141	
6	6114	Huỳnh Thị Diễm		29/05/1995	NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học Đồng Tháp	Khá		14	26,5	64	52	50	0	131	
7	6120	Nguyễn Thị Hồng Thắm		17/11/1987	NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học Đồng Tháp	Khá		33,5	11	48	Miễn	96	0	103,5	
8	6118	Nguyễn Thị Kim Tuyền		10/01/1993	NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học Đồng Tháp	Giỏi									Không dự thi
9	6119	Mai Nguyễn Trúc Thanh		18/07/1994	NHNN Đồng Tháp	CV Nghiệp vụ	Đại học Đồng Tháp	Khá									Không dự thi
VI	NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng (01 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu kỹ sư CNTT)																
1	6123	Lưu Hoàng Dung		11/8/1991	NHNN Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ	Đại Học Cần Thơ	Giỏi		69,5	53	72	84	93,5	0	247,5	Trúng tuyển
2	6127	Trần Phạm Ngọc Thanh		28/12/1992	NHNN Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ	Đại Học Cần Thơ	Xuất sắc		65	44,5	80	84	90	20	254	
3	6124	Phạm Kim Duy	7/6/1995		NHNN Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ	Đại học Tây Đô	Khá		70	27,5	80	68	90	0	205	
4	6129	Đào Thị Tú Trân		11/1/1991	NHNN Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		52,5	32,5	72	76	87	0	189,5	
5	6125	Phạm Thị Quỳnh Như		17/12/1993	NHNN Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ	Đại Học Cần Thơ	Khá		32	18,5	48	80	76	0	117	
6	6126	Nguyễn Thị Kim Phượng		4/9/1994	NHNN Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ	Đại Học Cần Thơ	Khá									Không dự thi

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+ (13)+(16)$	
7	6128	Nguyễn Thị Kim Thy		7/5/1991	NHNN Sóc Trăng	CV Nghiệp vụ	Đại Học Cần Thơ	Giỏi									Không dự thi
1	6130	Cao Diệp Duy	25/6/1990		NHNN Sóc Trăng	Kỹ sư CNTT	Đại học Võ Trường Toản	Khá		50	42	48	Miễn	73	0	182	
2	6131	Dương Đình Long	8/11/1988		NHNN Sóc Trăng	Kỹ sư CNTT	Đại học Tây Đô	TB-Khá		55	28	52	Miễn	53	0	163	
3	6133	Nguyễn Việt Trung	5/31/1905		NHNN Sóc Trăng	Kỹ sư CNTT	Đại học Cần Thơ	TB-Khá		32	34	48	Miễn	47	0	148	
4	6132	Bùi Viễn Thông	29/3/1991		NHNN Sóc Trăng	Kỹ sư CNTT	Đại học Cần Thơ	Khá		36	12,5	28	Miễn	61	0	89	
VII	NHNN Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long (01 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)															0	
1	6139	Phạm Thị Cẩm Tuyền		1/1/1993	NHNN Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi		35	43,5	72	68	82	0	194	
2	6140	Phạm Thanh Thuy		1/1/1991	NHNN Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi		35	51	52	84	62	0	189	
3	6138	Nguyễn Vĩnh Phú	1/1/1993		NHNN Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ	Đại học Cửu Long	Khá		50	30,5	60	60	63,5	0	171	
4	6136	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên		1/9/1995	NHNN Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		45,5	27,5	56	68	88	0	156,5	
5	6134	Nguyễn Thúy Diễm		22/12/1988	NHNN Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi									Không dự thi
6	6135	Nguyễn Đăng Khánh	2/3/1995		NHNN Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ	Đại học Tài chính - Marketing	Khá									Không dự thi
7	6137	Trần Huyền Nhung		28/7/1994	NHNN Vĩnh Long	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Giỏi									Không dự thi
VIII	NHNN Chi nhánh tỉnh Trà Vinh (03 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ)																Không dự thi
1	6149	Huỳnh Thị Trúc Xinh		12/18/1994	NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Trà Vinh	Giỏi		67	37,5	76	84	66,5	0	218	

th

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	$=(12)*2+(11)+ (13)+(16)$	
2	6141	Nguyễn Thanh Điền	1/5/1989		NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Võ Trường Toản	Khá		51,5	50,5	48	64	44	0	200,5	
3	6144	Huỳnh Diễm Phương		9/1/1985	NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá	x	50,5	37	64	Miễn	60	0	188,5	
4	6143	Nguyễn Thị Yên		2/10/1991	NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Cần Thơ	Khá		47	43,5	52	52	77	0	186	
5	6146	Lâm Châu Thủy		8/18/1994	NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Trà Vinh	Khá		20,5	18,5	52	60	65,5	20	129,5	
6	6147	Nguyễn Thị Phương Thảo		1/10/1993	NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Võ Trường Toản	Khá		32	17,5	44	68	75	0	111	
7	6142	Nguyễn Thanh Hoài		11/5/1994	NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Tây Đô	Khá									Không dự thi
8	6145	Đặng Văn Quý	6/17/1995		NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Trà Vinh	Khá									Không dự thi
9	6148	Nguyễn Thị Phương Trang		12/10/1995	NHNN Trà Vinh	CV Nghiệp vụ	Đại học Trà Vinh	Khá									Không dự thi
IX	NHNN Chi nhánh tỉnh Hậu Giang (01 chỉ tiêu Chuyên viên nghiệp vụ, 01 chỉ tiêu CV Kế toán Kiểm toán)																
1	6150	Nguyễn Lê Chinh		13/11/1991	NHNN Hậu Giang	CV Nghiệp vụ	Trường Đại học Cần Thơ	Giỏi		76	67,5	76	80	77	20	307	Trúng tuyển
2	6152	Nguyễn Hữu Nghĩa	6/8/1992		NHNN Hậu Giang	CV Nghiệp vụ	Trường Đại học Cần Thơ	Khá		50,5	50	72	68	81	0	222,5	
3	6153	Lê Thị Minh Thơ		15/10/1992	NHNN Hậu Giang	CV Nghiệp vụ	Trường Đại học Cần Thơ	Khá		50	27,5	56	88	92	0	161	
4	6154	Nguyễn Ngọc Trâm		9/3/1990	NHNN Hậu Giang	CV Nghiệp vụ	Trường Đại học Cần Thơ	Khá	x	35,5	26	60	68	66	0	147,5	
5	6151	Trần Ngọc Huyền		7/01/1993	NHNN Hậu Giang	CV Nghiệp vụ	Trường Đại học Cần Thơ	Khá		44,5	23,5	52	68	87	0	143,5	
1	6156	Nguyễn Thị Kiều		27/01/1986	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường Đại học Cần Thơ	Khá		71	54	56	68	75	0	235	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự thi	Vị trí	Tốt nghiệp trường	Xếp loại	Thạc sĩ	Điểm KTC	Điểm CMNV	Điểm TN CMNV	Điểm Tin học	Điểm ngoại ngữ	Điểm ưu tiên	Tổng điểm =(12)*2+(11) +(13)+(16)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
2	6159	Mai Bích Ly		28/11/1993	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường Đại học Cần Thơ	Giỏi		41	35	68	88	87	0	179	
3	6155	Nguyễn Thị Hạnh		12/8/1993	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường Đại học Cần Thơ	Giỏi		15	36	72	76	83	0	159	
4	6160	Phạm Thụy Bích	Nhiên	18/12/1989	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường đại học Tây Đô	Khá	x	41	24,5	68	52	84	0	158	
5	6161	Phan Thị Thanh	Tuyền	28/01/1989	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường Đại học Tây Đô	Khá		42	25,5	56	68	75	0	149	
6	6157	Nguyễn Thị Liên		23/7/1993	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường đại học Cửu Long	Giỏi									Không dự thi
7	6158	Huỳnh Chúc Lự		01/01/1984	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường Đại học Cần Thơ	Khá									Không dự thi
8	6162	Phạm Thị Thoa		9/10/1988	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường Đại học kinh doanh và công nghệ Hà	Khá									Không dự thi
9	6163	Nguyễn Thị Bích	Thủy	12/11/1994	NHNN Hậu Giang	CV Kế toán, Kiểm toán	Trường Đại học Cần Thơ	Khá									Không dự thi

